

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và
Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày
02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và
Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số
193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm
nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số
36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai
thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày
16/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa
chất và khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1602/QĐ-UBND ngày
11/5/2022, số 1604/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 về việc phê duyệt trữ lượng
khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp tại xã
Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh
về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm
vật liệu san lấp tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đối với
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Phú (diện tích 8,0 ha);

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh về
việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai
thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh
Thanh Hoá đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Phú;

Căn cứ Quyết định số 3947/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

trường của dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Phú;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp ngày 05/02/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Phú.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 541/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Phú (mã số thuế: 2802455326; địa chỉ: Nhà ông Lê Văn Viên, thôn Nam Giang, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp thuộc xã Tượng Lĩnh, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: Đất làm vật liệu san lấp.
 - b) Khoáng sản đi kèm: Không.
2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.
3. Không gian khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác: 8,0 ha gồm 02 khu vực:
 - Khu vực 1: 5,0 ha.
 - Khu vực 2: 3,0 ha.
 - b) Mức sâu khai thác:
 - Khu vực 1: Từ + 60,7 m đến + 15,0 m;
 - Khu vực 2: Từ + 39,0 m đến + 10,0 m.

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II – Bản đồ gửi kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:
 - a) Khoáng sản chính: 1.573.268 m³.
 - b) Khoáng sản đi kèm: Không.
5. Công suất khai thác tối đa: 200.000 m³/năm.

6. Thời gian khai thác: 8 năm kể từ ngày được cấp phép; trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 02 tháng.

Điều 2. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Phú có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và

chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các nội dung khác:

- Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chính hoặc xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có), tổ chức, cá nhân phải lập đề án thăm dò bổ sung, gửi cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được công nhận kết quả thăm dò bổ sung.

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

- Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản;
- CVP, PCVP Lê Việt Hiếu;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Tượng Lĩnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tân Phú;
- Lưu VT, CN (T04.59).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục I

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0)	
		X(m)	Y(m)
Khu vực 1	1	2163 905,00	572 966,00
	2	2163 973,85	573 030,00
	3	2163 928,00	573 137,00
	4	2164 026,00	573 152,00
	5	2163 984,00	573 390,00
	6	2163 813,00	573 352,00
Diện tích khu vực khai thác: 5,0 ha Mức sâu khai thác cao nhất: + 60,7 m Mức sâu khai thác thấp nhất: + 15,0 m			
Khu vực 2	7	2163 280,74	573 872,12
	8	2163 369,33	573 920,10
	9	2163 445,53	573 939,22
	10	2163 580,12	573 911,00
	11	2163 695,22	573 930,37
	12	2163 686,70	573 813,52
	13	2163 399,55	573 865,12
	14	2163 291,57	573 855,77
Diện tích khu vực khai thác: 3,0 ha Mức sâu khai thác cao nhất: + 39,0 m Mức sâu khai thác thấp nhất: + 10,0 m			